

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TBV22B1** Năm học: **23-24**
Mã MH/MĐ: **MH01070** Học kỳ: **01**
Tên MH/MĐ: **Động vật hại nông nghiệp**
Số TC: **1**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2256201161340	Trần Thanh	Danh	29/11/2005				9	8.0				7.5		7.8
2	2256201161343	Chau Sóc	Ron	05/01/2004				9	8.1				7.0		7.6
3	2256201161345	Trần Nhựt	Trường	12/07/2004				9	8.6				7.0		7.7
4	2256201161390	Trần Trung	Cường	05/10/2007				0	0.0				0.0	0.0	0.0
5	2256201161391	Nguyễn Thái	Dương	28/04/2004				9	8.2				7.0		7.6
6	2256201161393	Đặng Thành	Hiếu	20/08/2007				7	7.3				6.5		6.8
7	2256201161394	Huỳnh Trung	Huy	26/05/2007				5	7.6				6.0		6.3
8	2256201161395	Nguyễn Văn	Huy	11/03/2007				6.5	7.3				5.5		6.1
9	2256201161396	Đoàn Chấn	Khang	20/07/2007				7	7.8				6.0		6.6
10	2256201161397	Nguyễn Thanh	Ngọc	02/03/2000				9	9.2				6.5		7.6
11	2256201161398	Trần Thị Yến	Ngọc	11/05/2007				6	7.8				6.0		6.5
12	2256201161400	Võ Thanh	Phong	12/03/1999				9	8.8				7.0		7.7
13	2256201161401	Chau	Rích	29/12/2004				9	8.1				6.0		7.0
14	2256201161403	Trần Minh	Tính	20/07/2005				8	7.5				5.0		6.1
15	2256201161404	Nguyễn Phước	Toàn	19/10/2003				7	7.8				5.0		6.0
16	2256201161405	Hồ Minh	Triết	01/07/2007				6	7.1				4.0		5.1
17	2256201161406	Phạm Luân Bền	Vững	11/05/2006				6.5	8.4				4.0		5.5
18	2256201161407	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	30/08/2006				0	0.0				0.0	0.0	0.0

Châu Đốc, ngày 8 tháng 1 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Thạch Như Hiền